

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08/3/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thoát;

2. Bà Nguyễn Thị Lý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quân Thu Hằng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích Q, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 1, Phường Chi Lăng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai(Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1975

Địa chỉ : Tổ dân phố 14, thị trấn phúc túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Bích Q trình bày:

-*Về hôn nhân:* Chị và anh Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2001 nhưng đến ngày 12/4/2007, chị và anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân thị trấn phú túc, huyện Krông Pa. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sống với nhau qua thời gian thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy chị và anh H không còn tình cảm yêu thương vợ chồng như trước nếu có tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H trước pháp luật.

-Về con: Chị và anh Trần Văn H có 02 con chung là Trần Thị Kim Ng, sinh ngày 18/10/2001 và Trần Ngọc H, sinh ngày 06/01/2006. Từ khi sinh con ra cho đến nay thì các cháu ở với chị, nên khi ly hôn chị được trực tiếp nuôi các con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng/02 con. Tuy nhiên, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của chị Q thay đổi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi các con như trong đơn khởi kiện nữa.

-Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Văn H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần và quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai hay ý kiến gì có trong hồ sơ vụ án.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng Điều 28, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 9, 51, 53, 54, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử:

-Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bích Q được ly hôn với anh Trần Văn H trước pháp luật.

-Về con và cấp dưỡng nuôi con : Giao con chung Trần Thị Kim Ng, sinh ngày 18/10/2001 và Trần Ngọc H, sinh ngày 06/01/2006 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi các con

-Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

-Về án phí ly hôn: Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết : 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Bích Q phải chịu 300 000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trần Văn H như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập...theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Trần Văn H không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Trần Văn H vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bích Q và anh Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên nhưng đến ngày 12/4/2007 chị và anh Huân mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn phú túc, huyện Krông Pa. Trong quá trình chung sống chị Q và anh H có phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng nên chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H trước pháp luật. Anh H mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa án để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không lý do, điều này thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị Q. Hiện nay chị Q và anh H đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Bích Q với anh Trần Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con : chị Q và anh H có 02 con chung là Trần Thị Kim Ng, sinh ngày 18/10/2001 và Trần Ngọc H, sinh ngày 06/01/2006. Khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi các con. Tại biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của các con Trần Thị Kim Ng và Trần Ngọc H đều có nguyện ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con Trần Thị Kim Ng và Trần Ngọc H cho chị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con là phù hợp với nguyện vọng của các con đồng thời phù với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho nguyên đơn biết về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Trần Thị Bích Q vẫn giữ nguyên quan điểm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Bích Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 54, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bích Q được ly hôn với anh Trần Văn H trước pháp luật.

2. Về con chung: giao các con Trần Thị Kim Ng, sinh ngày 18/10/2001 và Trần Ngọc H, sinh ngày 06/01/2006 cho anh Trần Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Trần Văn H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh Trần Văn H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bích Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005922 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Bích Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trần Thị Bích Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/3/2018), còn anh Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Pa (01 bản);
- UBND thị trấn phú túc (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep

Thành viên hội đồng xét xử

-

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Thoát - Nguyễn Thị Lý

Ksor Pep

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Pa (01 bản);
- UBND xã Ia Rơm (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Pa (01 bản);
- UBND xã Ia Rơm (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thanh Khiết Nguyễn Thị Kiều Diễm

Ksor Pep